

Bản án: 259/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 20/7/2023
V/v: “*Tranh chấp hôn nhân và
gia đình, ly hôn, nuôi con chung*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN PHÚ

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Chúc Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Trần Thành Chúng;
- Ông Phan Phước Tân

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Trần Thanh Trúc Phương –
Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang tham
gia phiên tòa:** Ông Chau San - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Phú xét
xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 193/2023/TLST-
HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2023 về việc “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly
hôn, nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:
220/2023/QĐXXST-HN ngày 09 tháng 6 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên
tòa số: 274/2023/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Đặng Hoàng L, sinh năm 1991; địa chỉ: Tổ 16, ấp P, xã
P, huyện A, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh N, sinh năm 1995; địa chỉ: Tổ 16, ấp P, xã
P, huyện A, tỉnh An Giang.

Ông L vắng mặt có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; bà N vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện cùng với các tài liệu, chứng cứ kèm theo và quá trình
tố tụng tại Tòa án, ông Đặng Hoàng L trình bày: Ông và bà Nguyễn Thị Thanh
N do tự tìm hiểu thương yêu và tiến tới hôn nhân vào năm 2016, có đăng ký kết
hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện A, tỉnh An Giang theo Giấy chứng nhận
đăng ký kết hôn số 95 ngày 11/11/2016. Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hạnh
phúc, đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan
điểm sống, thường xuyên cãi nhau, cách nhìn nhận cuộc sống khác nhau mặc dù

hai bên đã cố gắng giải quyết nhưng không thành. Khi bà N có những điều chưa đúng ông L góp ý thì bà N cãi lại, từ đó vợ chồng ngày càng mâu thuẫn hơn. Hiện ông L và bà N đã ly thân và không còn sống chung. Nhận thấy mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn, đời sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông L yêu cầu được ly hôn với bà Nguyễn Thị Thanh N.

Về con chung: Có 01 con chung tên Đặng Hoàng Đăng K, sinh ngày 06/8/2017. Hiện nay, cháu K đang sống với bà N. Khi ly hôn, ông L đồng ý để bà N tiếp tục nuôi con chung và đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài liệu chứng cứ: Các tài liệu chứng cứ các đương sự giao nộp đã được thẩm tra và công khai trong quá trình hòa giải, các đương sự không có ý kiến gì về các tài liệu chứng cứ và tại phiên tòa không ai giao nộp bổ sung thêm tài liệu chứng cứ khác.

Biên bản lấy lời khai ngày 31/5/2023 người thân ông L cung cấp: Nguyên nhân mâu thuẫn giữa ông L, bà N là do vợ chồng không nhường nhịn nhau, nhiều lần cự cãi vì bất đồng quan điểm sống nên cả hai ly thân từ lâu và không có ý định hàn gắn. Bà N cũng biết việc ông L yêu cầu ly hôn và cũng đồng ý nhưng do đi làm xa nên không về; về con chung thì có 01 con chung còn nhỏ hiện đang sống với bà N; tài sản chung, nợ chung thì bà không biết.

Thông báo số định danh cá nhân và thông tin công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư do Công an xã P cung cấp ngày 07/6/2023, bà Nguyễn Thị Thanh N hiện vẫn còn cư trú tại ấp P, xã P, huyện A, tỉnh An Giang.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà N không có mặt theo các văn bản triệu tập của Tòa nên không ghi nhận được ý kiến và bà N cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến. Để đảm bảo quyền lợi của bà N, Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt Thông báo về kết quả phiên họp, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo về việc Tòa án thu thập được tài liệu, chứng cứ, tuy nhiên bà N vẫn không có ý kiến.

Tại phiên tòa, ông L vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Riêng bà N đã được triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt các đương sự theo thủ tục chung.

Quan điểm đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án thụ lý, xác định quan hệ tranh chấp, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ đảm bảo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; thành phần Hội đồng xét xử không thuộc trường hợp phải thay đổi; thủ tục xét xử vắng mặt được đảm bảo.

Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào các chứng cứ trong hồ sơ vụ án cho thấy hôn nhân của ông L, bà N có mâu thuẫn trầm trọng, trong thời gian ly thân

cả hai không có giải pháp hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông L theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Để đảm bảo điều kiện cho con chung phát triển và ổn định về tâm sinh lý của các cháu sau này được tốt đề nghị Hội đồng xét xử chấp giao con chung cho bà N được tiếp tục nuôi dạy. Công nhận sự tự nguyện của ông L về việc cấp dưỡng nuôi con chung.

Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Do đương sự không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Ông Đặng Hoàng L yêu cầu được ly hôn với bà Nguyễn Thị Thanh N. Bà N cư trú tại huyện A, tỉnh An Giang nên được Tòa án thụ lý giải quyết theo Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về sự vắng mặt của đương sự: Ông L vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bà N được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự trong quá trình tố tụng thể hiện: Quan hệ hôn nhân giữa ông L, bà N do tự tìm hiểu, yêu thương, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện A, tỉnh An Giang vào ngày 11/11/2016 nên làm phát sinh giá trị pháp lý theo Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình.

Xét yêu cầu của ông L xin ly hôn với bà N. Hội đồng xét xử xét thấy: Mâu thuẫn vợ chồng giữa ông L, bà N phát sinh từ lâu nhưng cả hai không có giải pháp hàn gắn nên mới sống ly thân. Trong quá trình giải quyết, Tòa án đã hòa giải đoàn tụ cho cả hai nhưng bà N không có mặt để hàn gắn tình cảm. Cho thấy, mâu thuẫn tình cảm giữa hai bên đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của ông L là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung*: Có 01 con chung tên Đặng Hoàng Đăng K, sinh ngày 06/8/2017. Hiện nay, cháu K đang sống với bà N. Khi ly hôn, ông L đồng ý để bà N tiếp tục nuôi con chung. Xét thấy, cháu K đang sống cùng bà N, cháu chưa đủ tuổi để ghi nhận ý kiến, để tránh xáo trộn về mặt tâm lý đối với con chung và đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chưa thành niên nên Hội đồng xét xử tiếp tục để bà N nuôi dạy con chung.

Về cấp dưỡng: Theo quy định của pháp luật, khi ly hôn cha hoặc mẹ là người không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Ông L

đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử công nhận sự tự nguyện.

[4] *Về tài sản chung, nợ chung*: Ông L xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Tuy nhiên, nếu có căn cứ xác định có tài sản chung, nợ chung thì các đương sự có thể khởi kiện và sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

[5] *Về án phí*: Ông L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Các Điều 9, Điều 51, Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Khoản 4 Điều 147, các Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điểm a, khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 hướng dẫn về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Hoàng L.

Về quan hệ hôn nhân: Ông Đặng Hoàng L được ly hôn với bà Nguyễn Thị Thanh N.

Giấy chứng nhận kết hôn số 95 ngày 11/11/2016 của Ủy ban nhân dân xã P, huyện A, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật.

Về con chung: Bà Nguyễn Thị Thanh N được tiếp tục nuôi dạy 01 (một) con chung tên Đặng Hoàng Đăng K, sinh ngày 06/8/2017.

Về cấp dưỡng: Công nhận sự tự nguyện của ông L về việc cấp dưỡng nuôi con chung, cụ thể ông L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Đặng Hoàng Đăng K mỗi tháng 1.000.000đ (một triệu đồng) cho đến khi cháu K thành niên theo luật định. Thời gian cấp dưỡng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ông L cùng các thành viên gia đình phải tôn trọng quyền trực tiếp nuôi con của bà N. Ngược lại bà N và các thành viên trong gia đình không được cản trở ông L trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con dựa trên các căn cứ theo quy định của pháp luật hoặc hạn chế quyền của cha mẹ đối với con chưa thành niên.

Về án phí: Ông Đặng Hoàng L phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con chung. Số tiền này được chuyển từ tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) mà ông L đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự

huyện An Phú theo biên lai thu số 0008292 ngày 10/5/2023, ông L nộp thêm 300.000đ (ba trăm nghìn đồng). Bà N không phải chịu án phí.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

(Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang (1);
- VKSND tỉnh An Giang (1)
- VKSND huyện An Phú (2);
- Chi cục THADS huyện An Phú (1);
- Lưu văn phòng (1);
- Các đương sự;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn (1);
- Lưu hồ sơ (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Chúc Phương